

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ**  
**HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

|    | Mã SV    | Họ đệm            | Tên        | Lớp       | Công nợ học phí | Công nợ thu khác | Tổng công nợ | GHI CHÚ |
|----|----------|-------------------|------------|-----------|-----------------|------------------|--------------|---------|
| 1  | 19000347 | Nguyễn Hoàng      | Phương An  | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 2  | 19001461 | Huỳnh Kim         | Bảo        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 3  | 19001554 | Phạm Thiên        | Bảo        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 4  | 19000568 | Thái Gia          | Bảo        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 5  | 19002785 | Nguyễn Hoàng      | Thanh Bình | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 6  | 19000081 | Nguyễn Hùng       | Cường      | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 7  | 19000156 | Hoàng Tiến        | Đạt        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 8  | 19002933 | Hà Thành          | Được       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 9  | 19002076 | Huỳnh Văn         | Hòa        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 10 | 19000518 | Nguyễn Huy        | Hoàng      | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 11 | 19001685 | Phan Văn          | Hưng       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 12 | 19000551 | Nguyễn Quốc       | Huy        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 13 | 19004489 | Nguyễn Duy        | Khôi       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 14 | 19000540 | Nguyễn Tấn        | Lộc        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 15 | 19003441 | Nguyễn Văn        | Mạnh       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 16 | 19001758 | Đinh Quang        | Minh       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 17 | 19001982 | Trương Hoài       | Nam        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 18 | 19002697 | Nguyễn Phạm Hoàng | Nghĩa      | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 19 | 19000845 | Nguyễn Hữu        | Nhân       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 20 | 19001413 | Nguyễn Thành      | Phát       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 21 | 19000997 | Trần Trịnh Đức    | Phát       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 22 | 19002176 | Chí Quang         | Phú        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 23 | 19001605 | Nguyễn Hồng       | Phúc       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 24 | 19001462 | Trịnh Huỳnh Minh  | Quân       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | -                | 6,150,000    |         |
| 25 | 19002066 | Nguyễn Minh       | Quang      | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 26 | 19001830 | Nguyễn Đình       | Son        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 27 | 19002934 | Đào Tấn           | Tài        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 28 | 19001386 | Lê Tấn            | Tài        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 29 | 19000316 | Nguyễn Thành      | Tài        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 30 | 19001832 | Nguyễn Như Nhật   | Tân        | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 31 | 19005038 | Hồ Quốc           | Thoại      | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 32 | 19002081 | Nguyễn Văn Quốc   | Thuận      | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 33 | 19001518 | Đặng Tấn          | Tĩnh       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 34 | 19001753 | Nguyễn Sơn        | Toàn       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 35 | 19000054 | Phan Đức          | Trường     | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 36 | 19001702 | Trương Anh        | Tú         | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 37 | 19003307 | Huỳnh Huy         | Tuấn       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |
| 38 | 19001247 | Phan Thanh        | Tùng       | 19T4-LĐL1 | 6,150,000       | 140,000          | 6,290,000    |         |